

# MỐI QUAN HỆ GIỮA XUẤT KHẨU VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM

## THE RELATIONSHIP BETWEEN EXPORT AND ECONOMIC GROWTH IN VIETNAM

Nguyễn Thị Mỹ Linh

Trường Đại học Tài chính - Marketing; [ntmylinh@ufm.edu.vn](mailto:ntmylinh@ufm.edu.vn)

**Tóm tắt** - Nghiên cứu tiến hành kiểm định mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam với dữ liệu chuỗi thời gian được thu thập theo tần suất quý của tăng trưởng kinh tế và giá trị xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn từ quý 1 năm 2002 đến quý 1 năm 2018. Mô hình tự hồi quy véc-tơ (VAR) được sử dụng trong phân tích, kết quả nghiên cứu cho thấy có tồn tại mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Đồng thời, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế còn bị tác động bởi các cú sốc của chính những yếu tố này trong quá khứ. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để góp phần giúp nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, nhà nghiên cứu thấy rõ được mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam nhằm có các chính sách phù hợp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cũng như mở ra các nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa** - xuất khẩu; tăng trưởng kinh tế; mối quan hệ; Việt Nam.

### 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế là chủ đề thường xuyên được thảo luận (Shihab & các cộng sự, 2014). Xuất khẩu giúp các doanh nghiệp nỗ lực sản xuất trong nước thông qua việc tối đa hóa nguồn tài nguyên và con người, tạo nguồn thu nhập ngoại hối và kích thích tăng trưởng kinh tế (Thanh Hai Nguyen, 2016). Ngược lại, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức độ hợp lý và bền vững sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước cũng như giá trị xuất khẩu (Helpman & Krugman, 1985). Trên thế giới, xuất hiện nhiều quan điểm khác nhau về mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Ví dụ, Alaoui (2015), Shafaqat & David (2012), Mehmood (2013) cho rằng tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Một số quan điểm khác cho rằng chỉ tồn tại tác động một chiều từ tăng trưởng kinh tế đến xuất khẩu như Ahdi (2013), Tahir & Khan (2015). Trong khi đó, Kalaitzi (2013) và Thanh Hai Nguyen (2016) cho rằng chỉ tồn tại tác động một chiều của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, một nghiên cứu khác chỉ ra rằng không có mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế như Richards (2001) khi nghiên cứu dữ liệu của Paraguay trong khoảng thời gian 10 năm. Đối với Việt Nam, các nghiên cứu về vấn đề này đa số dưới dạng định tính, tồn tại khá ít nghiên cứu kiểm định minh chứng cho tác động một chiều của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế như Thanh Hai Nguyen (2016), còn thiếu vắng các nghiên cứu thực nghiệm dưới dạng định lượng về mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Nhận thấy đây là một vấn đề cấp thiết cả về lý luận cũng như thực tiễn nên tác giả đã thực hiện bài nghiên cứu nhằm kiểm định mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam, đây là bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam nên mang lại giá trị thiết thực và ý nghĩa, giúp các nhà hoạch định chính sách có cái nhìn tổng quan về mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, từ đó có các chính sách phù hợp, cũng như mở ra các hướng nghiên cứu tiếp theo cho các nhà nghiên cứu.

**Abstract** - The study focuses on testing the relationship between export and economic growth in Vietnam with the time series data collected at the quarterly frequency of economic growth and export in Vietnam in the period from the first quarter of 2002 to the first quarter of 2018. The vector autoregressive (VAR) model is used in the analysis, and the study results show that there exists a two-way causal relationship between export and economic growth in Vietnam. In addition, export and economic growth are also affected by their past shocks. The study results are the basis to help policy makers, managers and researchers clearly understand the relationship between export and economic growth in Vietnam in order to suggest appropriate policies for promoting economic growth as well as opening further research.

**Key words** - export; economic growth; relationship; Vietnam.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Mô hình nghiên cứu

Mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế đã được khá nhiều tác giả tiến hành nghiên cứu tại các nền kinh tế và khu vực khác nhau. Đa số các nghiên cứu trước đều cho rằng tồn tại mối quan hệ nhân quả cùng chiều giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Điều này cho thấy mở rộng xuất khẩu có thể giúp tận dụng tối đa nguồn tài nguyên và con người, khuyến khích chuyên môn hóa trong các lĩnh vực mà một quốc gia có lợi thế so sánh, dẫn tới tái phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả, kích thích tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, tăng trưởng kinh tế một cách phù hợp và bền vững sẽ ổn định nền kinh tế vĩ mô, là điều kiện thuận lợi trong các chương trình hợp tác quốc tế, huy động dễ dàng các nguồn lực bên ngoài, là cơ hội để các doanh nghiệp trong nước mở rộng sản xuất, học hỏi các kỹ năng, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ nước ngoài, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, từ đó sẽ tạo nên tăng mở rộng xuất khẩu. Có thể kể đến các nghiên cứu như Shafaqat & David (2012) đã cho rằng tồn tại mối quan hệ nhân quả Granger giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Pakistan. Cũng tại Pakistan, Mehmood (2013) khi thu thập dữ liệu giá trị xuất khẩu của Pakistan sang các quốc gia OECD trong giai đoạn 1975-2012 đã cho rằng tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Gần đây, Alaoui (2015) khi nghiên cứu dữ liệu của Ma-rốc trong giai đoạn 1980-2013 đã cho rằng tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại quốc gia này.

Tuy nhiên, song song có các nghiên cứu kết luận rằng chỉ tồn tại tác động cùng chiều của tăng trưởng kinh tế đến xuất khẩu như Ahdi (2013) đã nghiên cứu dữ liệu hàng năm tại Nam Phi trong giai đoạn 1911-2011, với việc sử dụng kiểm định Granger, kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại tác động một chiều từ tăng trưởng kinh tế đến xuất khẩu. Trong một nghiên cứu khác, Tahir & Khan (2015) khi sử dụng mô hình

VAR để kiểm định mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Sri Lanka đã cho rằng tồn tại tác động cùng chiều của tăng trưởng kinh tế đến xuất khẩu.

Một số nghiên cứu khác lại cho rằng chỉ tồn tại tác động cùng chiều của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế như: Kalaitzi (2013) đã nghiên cứu mối quan hệ giữa xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế tại Các Tiểu vương quốc Ả Rập trong giai đoạn 1980-2010, với việc sử dụng mô hình VAR, kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại tác động cùng chiều của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế. Tại Việt Nam, Thanh Hai Nguyen (2016) đã phân tích tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, với dữ liệu được thu thập theo năm trong giai đoạn 1990-2015, nghiên cứu cho rằng tồn tại tác động cùng chiều với độ trễ hai năm của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế.

Ngoài ra, cũng có quan điểm cho rằng tồn tại tác động ngược chiều của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế như Faridi (2012) khi nghiên cứu dữ liệu của Pakistan trong khoảng thời gian từ 1972-2008. Kết quả nghiên cứu khẳng định giá trị xuất khẩu nông nghiệp tác động ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, xuất khẩu phi nông nghiệp tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong giai đoạn nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn thì những mặt hàng xuất khẩu có nhiều sản phẩm thay thế sẽ không kích thích tăng trưởng kinh tế trong thời gian ngắn.

Dựa trên cơ sở kết quả của các công trình nghiên cứu trước, tác giả sẽ sử dụng mô hình VAR để kiểm định mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam với phương trình dự kiến như sau:

$$GDP_t = \alpha_0 + \sum_{j=1}^n \alpha_{1j} GDP_{t-j} + \sum_{j=1}^n \alpha_{2j} EX_{t-j} + \varepsilon_t$$

$$EX_t = \alpha_0 + \sum_{j=1}^n \alpha_{1j} GDP_{t-j} + \sum_{j=1}^n \alpha_{2j} EX_{t-j} + \varepsilon_t$$

Trong đó,  $GDP_t$  là tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong quý  $t$ , được tính theo tỷ lệ %.  $EX_t$  là giá trị xuất khẩu tại Việt Nam trong quý  $t$ , đơn vị tính triệu USD, được lấy ln khi đưa vào phân tích hồi quy.  $\varepsilon_t$  là sai số.

**Bảng 1.** Các biến sử dụng trong mô hình nghiên cứu

Biến	Nguồn dữ liệu
Tăng trưởng kinh tế (GDP)	Tổng cục Thống kê (Việt Nam)
Giá trị xuất khẩu (EX)	Tổng cục Hải quan (Việt Nam)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

## 2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập theo quý trong giai đoạn từ quý 1 năm 2002 đến quý 1 năm 2018. Trong đó, tăng trưởng kinh tế được thu thập dữ liệu từ nguồn của Tổng cục Thống kê (Việt Nam). Giá trị xuất khẩu được thu thập dữ liệu từ nguồn của Tổng cục Hải quan (Việt Nam).

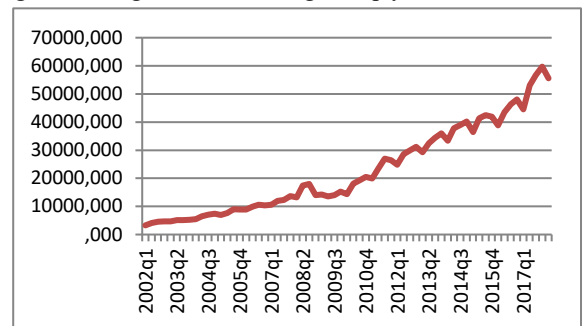
## 2.3. Phương pháp phân tích

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định lượng theo mô hình tự hồi quy véc-tơ (VAR) nhằm kiểm định mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Việc sử dụng mô hình VAR được tác giả căn cứ theo các nghiên cứu của Kalaitzi (2013), Tahir & Khan (2015).

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

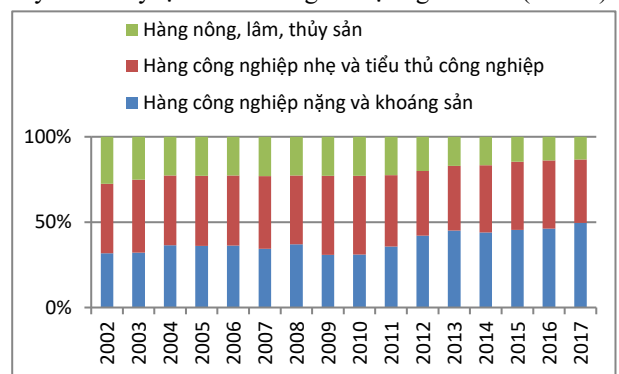
### 3.1. Tổng quan về xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam

Xuất khẩu luôn được xem là một trong những mục tiêu quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước. Từ chỗ thị trường xuất khẩu vào những năm trước 1986, cả nước với hơn 30 công ty xuất, nhập khẩu và chỉ tập trung vào các nước khối xã hội chủ nghĩa, đến nay Việt Nam đã có thị trường xuất khẩu rộng lớn, có mặt ở đa số các nước trên thế giới, trong đó, Mỹ và Châu Âu là hai thị trường xuất khẩu tiềm năng và lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm, kể đến là các nước khối ASEAN, Nhật Bản, Trung Quốc... Giá trị xuất khẩu quý 4 năm 2017 đạt 59.698 triệu USD, gấp 4,4 lần so với 10 năm trước đó, thời điểm quý 4 năm 2017 và có chiều hướng tăng dần qua các năm, với tỷ lệ tăng trung bình cả giai đoạn nghiên cứu khoảng 5%/quý (Hình 1).



**Hình 1.** Giá trị xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2002Q1-2018Q1 (Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam)

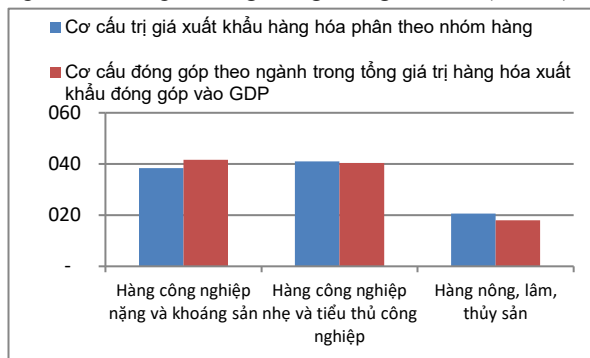
Trong đó, giá trị xuất khẩu hàng hóa khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm trung bình 60% trong giai đoạn nghiên cứu, phần còn lại là đóng góp của khu vực kinh tế trong nước. Nếu xét theo nhóm hàng, thì nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiêu thụ công nghiệp chiếm 41%, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm 38%, nhóm hàng nông, lâm, thủy sản với tỷ lệ 21% cho cả giai đoạn nghiên cứu (Hình 2).



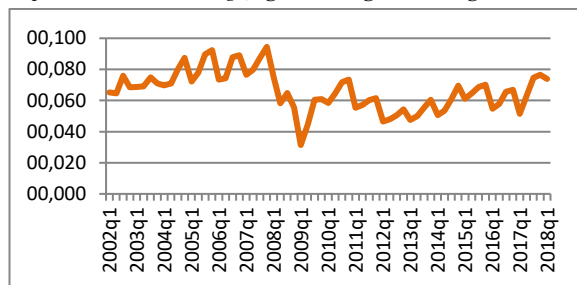
**Hình 2.** Cơ cấu giá trị xuất khẩu của Việt Nam phân theo nhóm hàng (Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)

Tuy nhiên, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản đóng góp vào GDP cao nhất với trung bình 42% trong tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đóng góp vào GDP, kể đến là nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiêu thụ công nghiệp với 40%, phần còn lại là nhóm hàng nông, lâm, thủy sản với tỷ lệ 18% cho cả giai đoạn nghiên cứu (Hình 3). Qua đó cho thấy, giá trị gia tăng của nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản cao hơn so với các nhóm hàng còn lại; và nhóm ngành hàng nông, lâm, thủy sản tạo ra giá trị gia tăng thấp nhất. Song, cơ cấu hàng

hóa xuất khẩu có chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản và chuyển dần sang các nhóm ngành có giá trị gia tăng cao hơn (Hình 2).



**Hình 3.** Cơ cấu đóng góp vào GDP của giá trị xuất khẩu Việt Nam phân theo nhóm hàng (Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)



**Hình 4.** Cơ cấu đóng góp vào GDP của giá trị xuất khẩu Việt Nam phân theo nhóm hàng (Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)

Việt Nam đã và đang thực hiện chiến lược thúc đẩy xuất khẩu theo mô hình tăng trưởng bền vững và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, như phân tích ở trên, nỗ lực tăng trưởng xuất khẩu đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế thời gian qua. Thật vậy, nhìn vào Hình 4 ta thấy, tăng trưởng kinh tế ổn định qua các năm và có chiều hướng gia tăng, loại trừ giai đoạn 2008-2009 ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế, GDP Việt Nam tăng trưởng trung bình đạt 5,6 % trong giai đoạn này, giai đoạn hoàng kim của tăng trưởng kinh tế vào những năm 2004-2007 với mức tăng trưởng đạt 8,2%, giai đoạn 2010 đến nay phát triển ổn định ở mức trung bình khoảng 6% và có chiều hướng tăng lên.

### 3.2. Thống kê mô tả

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập theo quý, từ quý 1 năm 2002 đến quý 1 năm 2018 với các biến số được mô tả trong Bảng 2.

**Bảng 2.** Thống kê mô tả các biến

Biến	Số quan sát	Trung bình	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Tăng trưởng kinh tế (%)	65	6,63	3,14	9,45
Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	65	22.739,06	3.259,96	59.697,84

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Từ kết quả thống kê mô tả ta thấy, các biến trong mô hình ước lượng đều thu thập đủ dữ liệu trong giai đoạn nghiên cứu. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt giá trị cao nhất vào quý 4 năm 2007, thấp nhất vào quý 1 năm 2009. Đối với giá trị xuất khẩu của Việt Nam, đạt giá trị cao nhất vào quý 4 năm 2017 và thấp nhất vào quý 1 năm 2002.

### 3.3. Kiểm định tính dừng

Tác giả sử dụng kiểm định Dickey-Fuller để kiểm định tính dừng của các chuỗi dữ liệu. Với giả thuyết  $H_0$  là chuỗi dữ liệu không có tính dừng.

**Bảng 3.** Kiểm định tính dừng

Biến	Chuỗi dữ liệu gốc	Chuỗi dữ liệu sai phân bậc 1
Tăng trưởng kinh tế	0,0354**	0,0000***
Giá trị xuất khẩu	0,4279	0,0000***

Ghi chú: \*\* và \*\*\* có ý nghĩa tương ứng ở mức 5% và 1%

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Bảng 3 cho thấy chuỗi dữ liệu giá trị xuất khẩu không có tính dừng ở chuỗi dữ liệu gốc, nhưng tăng trưởng kinh tế có tính dừng ở chuỗi dữ liệu gốc với mức ý nghĩa 5%. Đối với chuỗi dữ liệu sai phân bậc 1, cả hai chuỗi dữ liệu đều dừng với mức ý nghĩa 1%.

### 3.4. Kết quả mô hình VAR

Qua quá trình kiểm định độ trễ cho mô hình VAR, tác giả xác định sử dụng mô hình VAR ở độ trễ 4. Việc xác định này được căn cứ theo Lutkepohl (2005) với các tiêu chí LR, FPE, AIC, HQIC và SBIC.

**Bảng 4.** Kiểm định độ trễ cho mô hình VAR

lag	LL	LR	FPE	AIC	HQIC	SBIC
0	261,22		6,1e-07	-8,64	-8,61	-8,57
1	273,66	24,87	4,6e-07	-8,92	-8,840	-8,71
2	281,89	16,47	4,0e-07	-9,06	-8,93	-8,71
3	299,09	34,40	2,6e-07	-9,50	-9,31	-9,01
4	314,10	30,02*	1,8e-07*	-9,87*	-9,62*	-9,24*

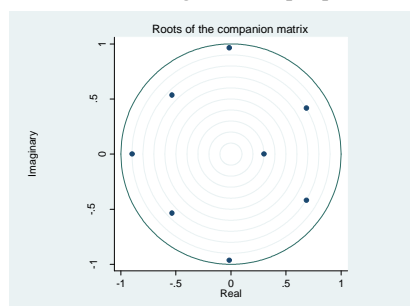
Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

**Bảng 5.** Kết quả mô hình VAR

Biến	DGDP	DEX
Hàng số	0,0034***	0,0785***
DGDP(-1)	-0,0325	-2,1289
DGDP(-2)	0,0044	2,5963**
DGDP(-3)	0,0298	2,3866**
DGDP(-4)	0,3480***	6,1691***
DEX(-1)	0,0060	-0,2949**
DEX(-2)	-0,0393***	-0,2233*
DEX(-3)	-0,0528***	-0,2158*
DEX(-4)	0,0094	-0,0996

Ghi chú: \*, \*\* và \*\*\* có ý nghĩa tương ứng ở mức 10%, 5% và 1%

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả



**Hình 5.** Vòng tròn đơn vị

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Kết quả kiểm định sự ổn định của mô hình cho thấy các

nghiệm đều nằm trong vòng tròn đơn vị nên mô hình VAR với độ trễ 4 có tính ổn định và phù hợp.

**3.5. Kiểm định Granger**

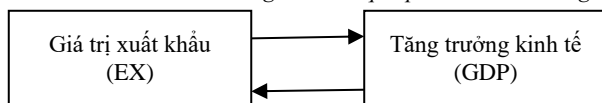
Để kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các biến trong mô hình, bài nghiên cứu sử dụng kiểm định Granger. Việc sử dụng kiểm định Granger được tác giả căn cứ theo Ahdi (2013), Alaoui (2015), Mehmood (2013), Shafaqat & David (2012). Kết quả kiểm định được trình bày ở Bảng 6.

**Bảng 6. Kiểm định Granger**

	H <sub>0</sub> : EX không có mối quan hệ Granger với GDP	H <sub>0</sub> : GDP không có mối quan hệ Granger với EX
Kiểm định Granger	0,000***	0,000***

Ghi chú: \*\*\* có ý nghĩa tương ứng ở mức 1%

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả



**Hình 6. Mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế**

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

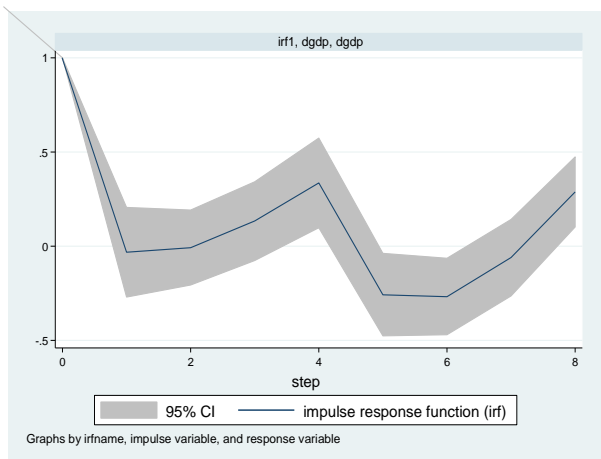
Kết quả kiểm định Granger ở Bảng 6 cho thấy, với mức ý nghĩa 1%, tồn tại mối quan nhân quả theo hai chiều giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Kết quả này khá phù hợp với các nghiên cứu trước như Alaoui (2015), Shafaqat & David (2012), Mehmood (2013).

**3.6. Thảo luận kết quả nghiên cứu**

Kết quả mô hình VAR và phân tích phản ứng đẩy cho thấy:

**3.6.1. Tác động của cú sốc tăng trưởng kinh tế trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại**

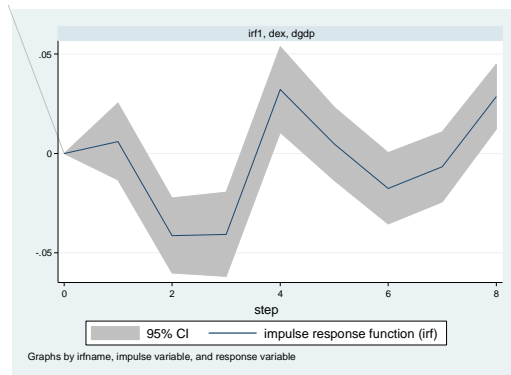
Tăng trưởng kinh tế ở hiện tại bị tác động cùng chiều bởi các cú sốc của chính yếu tố này trong quá khứ với độ trễ 4 quý ở mức ý nghĩa 1%. Điều này cho thấy rằng khi nền kinh tế tăng trưởng tốt trong quá khứ sẽ kích thích nền kinh tế ở hiện tại tăng trưởng theo, tác động này thể hiện khá rõ sau 4 quý. Tuy nhiên, nếu không có chính sách phù hợp để giúp tăng trưởng kinh tế một cách bền vững thì có thể dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm mạnh sau 5 và 6 quý, điều này được thể hiện trong phân tích phản ứng đẩy ở Hình 7.



**Hình 7. Tác động của cú sốc tăng trưởng kinh tế trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại**

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

**3.6.2. Tác động của xuất khẩu trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại**



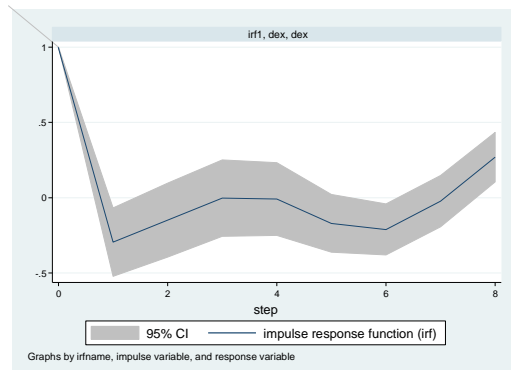
**Hình 8. Tác động của xuất khẩu trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại**

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Xuất khẩu trong quá khứ với độ trễ 2 và 3 quý tác động ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại ở mức ý nghĩa 1%. Điều này cho thấy, trong giai đoạn nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, giá trị xuất khẩu chưa kích thích tăng trưởng kinh tế trong thời gian ngắn, kết quả này khá phù hợp với kết quả nghiên cứu của Faridi (2012). Tuy nhiên, dựa vào kết quả phân tích phản ứng đẩy ở Hình 8 ta thấy, xuất khẩu có tác động cùng chiều khá rõ nét đến tăng trưởng kinh tế sau 5 quý. Điều này khá phù hợp với các nghiên cứu trước như Kalaitzi (2013) hoặc nghiên cứu của Thanh Hai Nguyen (2016) tại Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của tác giả có điểm khác biệt khá rõ nét so với Thanh Hai Nguyen (2016) khi cho thấy chiều tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế có thay đổi trong ngắn hạn.

**3.6.3. Tác động của xuất khẩu trong quá khứ đến xuất khẩu ở hiện tại**

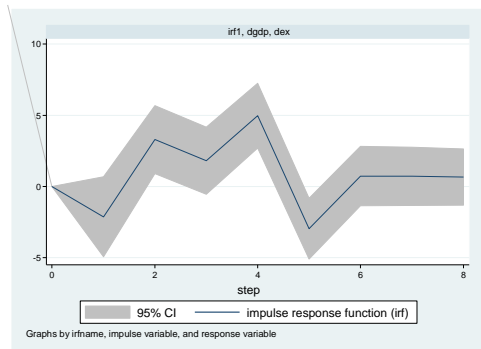
Xuất khẩu ở hiện tại bị tác động ngược chiều bởi các cú sốc của chính yếu tố này trong quá khứ với độ trễ từ 1 đến 3 quý. Tuy nhiên, dựa vào kết quả phân tích phản ứng đẩy ở Hình 9 ta thấy xu hướng tác động trong dài hạn dần chuyển sang cùng chiều. Điều này cho thấy giá trị xuất khẩu ở Việt Nam còn biến động khó lường và gặp nhiều khó khăn do những biến động bất thường trong nền kinh tế ở Việt Nam cũng như thế giới. Nhưng xét về mặt dài hạn, giá trị xuất khẩu của Việt Nam có xu hướng tăng trưởng rõ nét. Điều này hứa hẹn nhiều triển vọng đối với các mặt hàng xuất khẩu nếu chúng ta có những chính sách phù hợp.



**Hình 9. Tác động của xuất khẩu trong quá khứ đến xuất khẩu ở hiện tại**

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

### 3.6.4. Tác động của tăng trưởng kinh tế trong quá khứ đến xuất khẩu ở hiện tại



**Hình 10.** Tác động của tăng trưởng kinh tế trong quá khứ đến xuất khẩu ở hiện tại

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Tăng trưởng kinh tế trong quá khứ có tác động cùng chiều đến xuất khẩu sau 2 đến 4 quý với mức ý nghĩa 1% và 5%, mức độ tác động càng mạnh với độ trễ càng dài. Kết quả này khá phù hợp với kết quả nghiên cứu của Ahdi (2013), Tahir & Khan (2015). Điều này cho thấy, tăng trưởng kinh tế một cách phù hợp và bền vững sẽ đẩy mạnh hợp tác quốc tế, giao thương thương mại với các nước, đặc biệt là tiếp cận với công nghệ tiên tiến hơn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư, từ đó sẽ tạo nền tảng mở rộng xuất khẩu, tuy nhiên xuất khẩu không phản ứng ngay với tăng trưởng kinh tế mà thể hiện rõ nét sau 2 quý trở đi. Như vậy, cùng với những đánh giá thực trạng về xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế Việt Nam, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự mở rộng xuất khẩu là động lực cho tăng trưởng kinh tế, thể hiện rõ sau 5 quý, và ngược lại, tăng trưởng kinh tế thúc đẩy xuất khẩu ở những giai đoạn tiếp theo với độ trễ 2 quý. Với kết quả trên, nghiên cứu khẳng định chiến lược thúc đẩy xuất khẩu mà Việt Nam đã theo đuổi trong thời gian qua là hoàn toàn phù hợp, giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ tích cực với nhau, cùng hỗ trợ lẫn nhau phát triển. Tăng cường xuất khẩu là cơ hội mở rộng hợp tác, giao thương với các nước trên thế giới, thu hút nhiều nguồn lực kinh tế, thêm việc làm, kích thích đầu tư, tăng tích lũy vốn, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế cũng góp phần thúc đẩy xuất khẩu tăng trưởng thông qua tăng năng suất. Một khi năng suất tăng, đương nhiên chi phí sản xuất sẽ giảm xuống, qua đó góp phần làm giá hàng hóa trong nước giảm và có tác động thúc đẩy xuất khẩu.

## 4. Kết luận

Với mục tiêu kiểm định mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam, nghiên cứu đã sử dụng mô hình tự hồi quy véc-tơ (VAR) để làm sáng tỏ vấn đề cần nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế theo hướng tích cực với độ trễ ít nhất sau 2 quý. Đồng thời, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế còn bị tác động bởi các cú sốc của chính yếu tố này trong quá khứ. Kết quả này một lần nữa khẳng định rằng, với chiến lược thúc đẩy xuất khẩu theo mô hình tăng trưởng bền vững và hợp lý giữa chiều rộng và chiều

sâu mà Việt Nam đã và đang thực hiện là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, tại Việt Nam hiện nay, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào còn thấp, trình độ công nghệ chưa có lợi thế so sánh so với các nước trong khu vực, dẫn đến năng suất lao động xã hội chưa cao, lực lượng lao động tuy đông về số lượng, nhưng chất lượng cần phải đào tạo thêm. Ngoài ra, xuất khẩu Việt Nam đang phát triển theo chiều rộng hơn là chiều sâu, vẫn tập trung nhiều vào các hàng hóa thâm dụng lao động và tập trung nhiều vào khâu gia công có giá trị gia tăng không cao. Như vậy, để hoạt động xuất khẩu có thể đóng góp hơn nữa vào tăng trưởng kinh tế, Việt Nam cần tăng cường các mối quan hệ quốc tế để tăng thị phần xuất khẩu và chú trọng vào phát triển chiều sâu, có chính sách thích hợp nhằm gia tăng tỷ trọng các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo thuộc nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản có giá trị gia tăng cao trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu, làm tăng tỷ lệ đóng góp của xuất khẩu vào GDP. Đồng thời, có những chính sách phù hợp đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, từ đó sẽ có tác động tích cực góp phần gia tăng xuất khẩu.

Kết quả nghiên cứu là cơ sở để góp phần giúp nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, cũng như các nhà nghiên cứu thấy rõ được mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, bài nghiên cứu còn gặp phải một số hạn chế như: chưa đề cập thêm một số biến kiểm soát có thể tác động đến xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, dữ liệu đưa vào nghiên cứu khá ngắn do đặc thù của Việt Nam,... đây cũng là hướng nghiên cứu tiếp theo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ahdi, *Causality between Exports and Economic Growth in South Africa: Evidence from Linear and Nonlinear Tests*, Working Papers 201339, University of Pretoria, Department of Economics, 2013.
- [2] Alaoui, *Causality and Co-integration between Export, Import, and Economic Growth: Evidence from Morocco*, MPRA Paper 65431, University Library of Munich, Germany, 2015.
- [3] Faridi, "Contribution of Agricultural Exports to Economic Growth in Pakistan", *Pakistan Journal of Commerce and Social Science*, Vol. 6(1), 2012, pp.133-146.
- [4] Helpman & Krugman, *Market Structure and Foreign Trade*, MIT Press, Cambridge, 1985.
- [5] Kalaitzi, *Exports and Economic Growth in the United Arab Emirates*, Submitted to: RIBM Doctoral Symposium, Manchester Metropolitan University Business School, 2013.
- [6] Lutkepohl, *New Introduction to Multiple Time Series Analysis*, New York: Springer, 2005.
- [7] Mehmood, "Do Exports and Economic Growth Depend on each other at Intergovernmental Organization Level Trade: An Empirical Study", *Academy of Contemporary Research Journal*, Vol. 4, 2013, pp. 152-160.
- [8] Richards, "Exports as A Determinant of Long-run Growth in Paraguay, 1966-96", *The Journal of Development Studies*, Vol. 38(1), 2001, pp. 28-146.
- [9] Shafaqat & David, "Dynamics of Exports and Economic Growth at Regional Level: A Study on Pakistan's Exports to SAAR", *Journal of Contemporary Issues in Business Research*, 1 (1), 2012, pp. 11-19.
- [10] Shihab, Soufan, Abdul-Khaliq, "The Causal Relationship between Exports and Economic Growth in Jordan", *International Journal of Business and Social Science*, 2014, pp. 302-308.
- [11] Tahir & Khan, "An Analysis of Export-led Growth Hypothesis: Cointegration and Causality Evidence from Sri Lanka", *Advances in Economics and Business*, Vol. 3(2), 2015, pp. 62-69.
- [12] Thanh Hai Nguyen, "Impact of Export on Economic Growth in Vietnam: Empirical Research and Recommendations", *International Business and Management*, Vol. 13, 2016, pp. 45-52.